

Số: 29./QĐ-FTS

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp
Ngành/nghề đào tạo Tiếng Hàn Quốc**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động TBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp ngành/nghề: Tiếng Hàn Quốc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành/nghề Tiếng Hàn Quốc. Chương trình được áp dụng giảng dạy các lớp Trung cấp ngành/nghề: Tiếng Hàn Quốc của Trường Trung cấp Ngoại thương.

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Đào tạo, các Phòng, Khoa và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các phòng, khoa;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 29 /QĐ-FTS, ngày 21 tháng 04 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Ngoại thương)

Tên ngành, nghề: Tiếng Hàn Quốc

Mã ngành, nghề: 5220211

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp THCS hoặc tương đương

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THCS

Thời gian đào tạo: (năm học)

- Thời gian đào tạo: 02 năm (20 tháng).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Tiếng Hàn Quốc trình độ trung cấp có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng nghề nghiệp, nhân cách sư phạm, sức khỏe tốt, có tri thức về văn hóa Hàn Quốc, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Hàn, có những hiểu biết về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Hàn Quốc. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Hàn Quốc, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế nước nhà trong quá trình hội nhập.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Trình bày được các quy tắc giao tiếp ứng xử trong môi trường hội nhập quốc tế;
- Liệt kê được các nhiệm vụ và trách nhiệm của bản thân khi làm việc nhóm;
- Trình bày được các nguyên tắc về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, văn bản tiếng Việt;
- Trình bày được từ vựng, lối diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Nêu được các kiến thức văn hóa, xã hội Hàn Quốc;
- Trình bày được các công việc hành chính - văn phòng, các quy trình tiếp khách, tiếp xúc với khách hàng, dịch thuật các văn bản, tài liệu, quy trình hỗ trợ các phòng ban;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp

luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng:

- Sắp xếp được một số tọa đàm, hội thảo, lịch làm việc theo yêu cầu của đối tác hai bên;
- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận thực hiện mục tiêu đã đề ra trong cơ quan, doanh nghiệp;
- Viết và thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống một cách tự tin khi được giao công việc trợ lý, hành chính - văn thư và biên phiên dịch có sử dụng Tiếng Hàn Quốc;
- Phát âm chuẩn, trôi chảy, có tốc độ phù hợp, đúng trọng âm, ngữ điệu; sử dụng được các quy tắc nối âm, biến âm và đồng hóa âm trong tiếng Hàn Quốc khi làm việc;
- Sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Hàn Quốc trong giao tiếp đáp ứng yêu cầu trình độ 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Sử dụng được từ vựng, lối diễn đạt, ngữ pháp, cấu trúc câu thường được dùng trong giao tiếp cơ bản;
- Giao tiếp và biên dịch được các nội dung công việc, các cuộc trao đổi, hội họp, sự kiện, tham quan;
- Xác định đúng được các loại văn bản, tài liệu liên quan đến công việc, các dạng văn nói, văn viết;
- Diễn đạt cơ bản các ý chính của một đoạn văn, chủ đề quen thuộc hàng ngày hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề liên quan đến công tác trợ lý, hành chính - văn phòng;
- Viết được các đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm;
- Diễn đạt được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình bằng tiếng Hàn Quốc;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Thái độ, tác phong, nghề nghiệp

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, một số vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;

- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Trợ lý Tiếng Hàn Quốc;
- Hành chính văn thư sử dụng Tiếng Hàn Quốc;
- Biên phiên dịch Tiếng Hàn Quốc.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 66 (*Tín chỉ*) – 1725 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1470 giờ
- Khối lượng lý thuyết (Bao gồm cả số giờ kiểm tra): 436 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1289 giờ
- Thời gian khóa học: 02 năm (20 tháng)

(Thời gian này chưa bao gồm thời gian tự học)

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh cơ sở)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc	54	1470	300	1117	29

II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	6	135	45	87	3
MH07	Tiếng Việt thực hành	3	75	15	58	2
MH08	Ngữ âm tiếng Hàn	3	60	30	29	1
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên ngành</i>	45	1260	240	996	24
MH09	Tiếng Hàn viết 1	4	90	30	57	3
MH10	Tiếng Hàn viết 2	4	90	30	57	3
MH11	Tiếng Hàn nói 1	4	90	30	57	3
MH12	Tiếng Hàn nói 2	4	90	30	58	2
MH13	Tiếng Hàn nghe 1	4	90	30	58	2
MH14	Tiếng Hàn nghe 2	5	120	30	88	2
MH15	Lý thuyết biên – phiên dịch	4	90	30	57	3
MH16	Phiên dịch tiếng Hàn	3	75	15	57	3
MH17	Tiếng Hàn đọc	3	75	15	57	3
MH18	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	450	0	450	BC
II.3	<i>Các môn học, mô đun tự chọn</i>	3	75	15	58	2
MH19	Hàn Quốc học	3	75	15	58	2
MH20	Biên dịch tiếng Hàn	3	75	15	58	2
Tổng cộng		66	1725	394	1289	42

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành để áp dụng bao gồm:

Chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Tin học theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Giáo dục thể chất theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBOXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Pháp luật theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBOXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Giáo dục chính trị theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBOXH, ngày 6 tháng 12 năm 2018;

Chương trình Tiếng Anh theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBOXH, ngày 17 tháng 1 năm 2019.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 11 tháng 3 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ trung cấp.

- Ngoài đi thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp; mỗi năm học tổ chức từ 1 đến 2 tuần cho sinh viên đi hoạt động ngoại khóa, đi thăm quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các công ty trong lĩnh vực ngành đào tạo

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và thi kết thúc môn học, mô đun

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBOXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý


ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		

2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	2	3	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	7	4	3	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	7	4	3	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1:

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;
- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2:

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3:

NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5:

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;
- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ

chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thi điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng

nghe.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
 9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
 13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
 14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
 18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
 19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
 20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra

1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	6	5	1	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	10	4	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2:

HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3:

PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4:

PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5:

PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ

cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐT BXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU				
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7	1	6	
2	Bài 2: Điền kinh	7	1	6	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC	15	2	12	1

	THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	13	2	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	13	2	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	13	2	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	13	2	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	13	2	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	3	2	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	13	2	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh

như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.
- Điền kinh: Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;
- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;
- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ;
kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ

khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	45	21	21	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội
 - 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"
 - 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ
- 2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
 - 2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam
 - 2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam
- 2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược

“Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4:

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

- 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

Bài 6:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
 - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
 - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
 - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

Bài 7:

ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

- 2.1. Đội hình tiểu đội
 - 2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang
 - 2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang
 - 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
 - 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
 - 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
 - 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
 - 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
 - 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
 - 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
 - 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 8:

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
- 2.3. Thực hành

Bài 9:

KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;

- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giạt cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	7	3	4	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	7	2	5	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	8	3	5	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	7	2	5	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	7	2	5	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	8	3	5	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viên

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
- 2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)
- 2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. [Peter Weverka](#), Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn

và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	8	3	5	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	8	3	5	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	8	3	5	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	8	3	5	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	8	3	5	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	8	3	5	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	8	3	5	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	8	3	5	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
	Tổng cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN Rảnh Rỗi (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;

- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

- Hỏi đường và chỉ đường;

- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bằng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với **much** hoặc **many**;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỠ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề

đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Việt thực hành

Mã môn học: MH07

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 58; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Tiếng Việt thực hành là môn học đại cương về tiếng Việt, được bố trí học trước khi học các môn học phiên dịch tiếng Hàn
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Nội dung môn học giúp người học ôn tập, hệ thống hóa các kiến thức về chính tả tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng viết câu và đoạn văn; nhận diện và khắc phục những lỗi thường gặp về câu và đoạn văn; rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản.
- Về kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng khái quát về giao tiếp, cấu trúc giao tiếp, các phương tiện giao tiếp và một số kỹ năng giao tiếp cơ bản.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: nâng cao tính ứng dụng của môn học và rèn luyện kỹ năng cho người học qua lời nói, văn bản, có thái độ học tập tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài, sáng tạo trong quá trình học tập; có ý thức vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế cuộc sống, tự tin trong quá trình giao tiếp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Thực hành tiếng Việt qua lời nói	35	5	29	1
2	Bài 2: Thực hành tiếng Việt qua văn bản	40	10	29	1
	Cộng	75	15	58	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thực hành tiếng Việt qua lời nói

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên nắm vững các kiến thức về kỹ năng giao tiếp, bao gồm cả giao tiếp bằng ngôn ngữ lời nói và giao tiếp bằng văn bản để có thể thích nghi - thích ứng trong công việc và trong cuộc sống, như: kỹ năng tạo lập các mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tiếp nhận văn bản, kỹ năng tạo lập văn

bản.

2. Nội dung của bài

2.1. Khái quát chung về giao tiếp

2.2. Cấu trúc của giao tiếp

2.3. Các phương tiện giao tiếp

2.4. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản

Bài 2: Thực hành tiếng Việt qua văn bản

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính tả và ngữ pháp trong các câu, từ, đoạn văn trong các văn bản tiếng Việt

2. Nội dung của bài

2.1. Chính tả tiếng Việt

2.2. Ôn tập một số vấn đề về Câu

2.3. Lỗi trong câu và cách khắc phục

2.4. Kỹ năng viết đoạn văn

2.5. Lỗi trong đoạn văn và cách khắc phục

2.6. Kỹ năng tiếp nhận văn bản

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm các kiến thức về chính tả tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng viết câu và đoạn văn; nhận diện và khắc phục những lỗi thường gặp về câu và đoạn văn; rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản.

- Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng tạo lập các mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tiếp nhận văn bản, kỹ năng tạo lập văn bản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có ý thức vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế cuộc sống, tự tin trong quá trình giao tiếp.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp tiếng Hàn Quốc
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu, hình ảnh...
 - Đối với người học: Thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ, ý tưởng...
3. Những trọng tâm cần chú ý:
4. Tài liệu tham khảo:
 1. Diệp Quang Ban (2007), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục.
 2. Chu Văn Đức (2005), *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.
 3. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2003), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục.
 4. Trần Ngọc Thêm (2006), *Hệ thống liên kết văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 5. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm - Thuật đắc nhân tâm dụng nhân*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ âm tiếng Hàn (한국어 음성학)

Mã môn học: MH08

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đây là môn học được bố trí đầu tiên khi sinh viên bắt đầu tiếp cận với tiếng Hàn
- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết và cách sử dụng bảng chữ cái tiếng Hàn, các nguyên âm, phụ âm cơ bản, cách ghép phụ âm và nguyên âm, cách viết và cách phát âm tiếng Hàn.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên nhận biết được bảng chữ cái tiếng Hàn, cách viết Hangeul, cấu tạo của tiếng Hàn.
- Về kỹ năng: Sinh viên có thể phát âm, đọc câu, viết và đánh máy tiếng Hàn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động. Bước đầu giúp cho sinh viên hứng thú, tích cực và chủ động tìm hiểu và học tiếng Hàn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Bảng chữ cái tiếng Hàn, các nguyên âm và phụ âm cơ bản 한글, 기본 자음 및 모음	7	3	4	
2	Bài 2 : Ghép phụ âm và nguyên âm 자음과 모음 연결법	8	4	4	
3	Bài 3 : Cách viết Hangeul 한글 쓰기법	8	4	4	
4	Bài 4 : Cấu tạo của tiếng Hàn 한글 구조	10	5	5	
5	Bài 5 : Cách viết chữ Hàn	8	4	4	

	한국어 쓰기법				
6	Bài 6: Cách phát âm chuẩn tiếng Hàn 표준 한국어 발음	8	4	4	
7	Bài 7 : Chữ tiếng Hàn, phím gõ tương ứng và cách gõ tiếng Hàn trên bàn phím máy tính 한글 , 컴퓨터 키보드에 해당 키 형태 및 한글 타이핑 방법	10	6	4	
8	Kiểm tra	1			1
	Cộng	60	30	29	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Bảng chữ cái tiếng Hàn, các nguyên âm và phụ âm cơ bản

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên tiếp cận, tập viết, ghi nhớ bảng chữ cái, các nguyên âm, phụ âm

2. Nội dung của bài

2.1. Các nguyên âm

2.2. Các phụ âm

Bài 2 : Ghép phụ âm và nguyên âm

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên hiểu, ghi nhớ cách ghép và luyện đọc phụ âm, nguyên âm

2. Nội dung của bài: Cách ghép và luyện đọc

Bài 3 : Cách viết Hangeul

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên ghi nhớ và thực hiện thành thạo cách viết các nguyên âm, phụ âm

2. Nội dung của bài

2.1. Viết các nguyên âm

2.2. Viết các phụ âm

Bài 4 : Cấu tạo của tiếng Hàn

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên hiểu và ghi nhớ cấu tạo của tiếng hàn, những cấu trúc cơ bản

2. Nội dung của bài

2.1. Khái quát

2.2. Những cấu trúc cơ bản

Bài 5: Cách viết chữ Hàn

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên hiểu và ghi nhớ nguyên tắc viết, cách viết một âm tiết trong tiếng Hàn

2. Nội dung của bài

2.1. Nguyên tắc viết, cách viết chữ trong tiếng Hàn

2.2. Nguyên tắc viết

2.3. Cách viết một âm tiết

Bài 6: Cách phát âm chuẩn tiếng Hàn

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên hiểu và phát âm được các âm chuẩn tiếng Hàn

2. Nội dung của bài

2.1. Nói âm

2.2. Âm căng hóa

2.3. Biến âm (Hiện tượng đồng hóa phụ âm)

2.4. Âm trơn hóa

2.5. Âm ngạc hóa

2.6. Giản lược “ㅎ”

2.7. Âm bật hơi hóa

2.8. Cách đọc “으|”

2.9. Nhấn trọng âm

Bài 7 : Chữ tiếng Hàn, phím gõ tương ứng và cách gõ tiếng Hàn trên bàn phím máy tính

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên thuộc bảng chữ cái trên bàn phím vafhieeur, thực hiện được cách gõ chữ tiếng Hàn trên bàn phím

2. Nội dung của bài

2.1. Chữ cái tiếng Hàn trên bàn phím

2.2. Quy tắc gõ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 20 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy tính giáo viên, mỗi học sinh 01 máy tính có phần mềm tiếng Hàn

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu

tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Khả năng nhận biết được bảng chữ cái tiếng Hàn, cách viết Hangeul, cấu tạo của tiếng Hàn.

- Về kỹ năng: Phát âm, đọc câu, viết và đánh máy tiếng Hàn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu,... kết hợp thêm các hình ảnh, video cho dễ hiểu và thêm phần sinh động, tăng cường thực hành, đối thoại

- Đối với Sinh viên: nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận nhóm, thực hành phát âm luyện tập, làm bài tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình Tiếng Hàn sơ cấp 1, NXB Đại học quốc gia Seoul -2000.

2. Tiếng Hàn sơ cấp 1 –NXB Đại học Kyung Hee –2000.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn viết 1 (한국어쓰기 1)

Mã môn học: MH09

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Được bố trí học kỳ I
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, thực hành kỹ năng viết, hiểu, sử dụng cấu trúc câu và trong ngữ pháp tiếng Hàn Quốc.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này học sinh có khả năng:

Viết các đoạn văn theo chủ đề, diễn đạt được nội dung cần thiết. Viết và sắp xếp các loại câu, mệnh đề, các loại trật tự theo thứ tự thời gian, phân chia các ý, các đoạn nối, các từ nối...

- Về kiến thức:Viết, hiểu và biết cách sử dụng ngữ pháp,cấu trúc câu trong tiếng Hàn.
- Về kỹ năng:Thực hành kỹ năng viết, phát âm chính xác rõ ràng các từ các câu, sử dụng cấu trúc câu và ngữ pháp trong tiếng Hàn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:Chủ động, tự giác đọc,viết, hiểu ngữ pháp, cấu trúc câu trong tiếng Hàn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 인사 Chào hỏi	9	3	6	
2	Bài 2: 학교와집 Gia đình và trường học	9	3	6	
3	Bài 3 : 가족과친구 Gia đình và bạn bè	9	3	6	
4	Bài 4: 음식 Ẩm thực	9	3	6	
5	Bài 5: 하루생활 Sinh hoạt hằng ngày	9	3	5	1
6	Bài 6:물건사기 Mua sắm	9	3	6	
7	Bài 7: 교통 Giao thông	9	3	6	

8	Bài 8: 전화 Điện thoại	9	3	6	
9	Bài 9: 날씨와계절 Thời tiết và các mùa trong năm	9	3	5	1
10	Bài 10: 휴일과방학 Ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè	9	3	5	1
	Cộng:	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 인사 Chào hỏi

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chủ đề chào hỏi. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

입니다, 은/는; 입니까?; 이/가아니다; 입니다, 습니다

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về chủ đề chào hỏi.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ.

-입니다, 은/는

- 입니까?

- 이/가아니다

- 입니다, 습니다

Bài 2: 학교와집 Gia đình và trường học

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng với chủ đề trường học và nhà. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

이/가, 이/그/저; 도, 있다/없다; 예; 하고

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về chủ đề trường học và nhà

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 이/가, 이/그/저

- 도, 있다/없다

- 에

- 하고

Bài 3: 가족과친구 Gia đình và bạn bè

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về gia đình và bạn bè. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

을/를; 으시; 고; 에서

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về chủ đề gia đình và bạn bè

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 을/를

- 으시

-고

- 에서

Bài 4: 음식 Ẩm thực

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề ẩm thực. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

에가다; 까요?; 지않다, 무슨, ㄹ 동안; 고싶다, -겠; 으십시오

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề ẩm thực.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 에가다

- 까요?

- 지않다, 무슨, ㄹ 동안

- 고싶다, -겠

- 으십시오

Bài 5: 하루생활 Sinh hoạt hằng ngày

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng với chủ đề sinh hoạt trong ngày Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

까지, 어요;지요? –으세요; 에부터~까지, 고; 었, ㅂ동사

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng với chủ đề sinh hoạt trong ngày

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 까지, 어요

- 지요? –으세요

- 에부터~까지, 고

- 었, ㅂ동사

Bài 6: 물건사기 Mua sắm

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chủ đề mua đồ Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

으러가다/오다, 과/와; 지만, 은; 지만, 은; 지만, 은; 어주다, 단위명사;
에게,

은/는; 을

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng về chủ đề mua đồ 2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 으러가다/오다, 과/와

- 지만, 은

- 어주다, 단위명사

- 에게, 은/는

- 을

Bài 7: 교통 Giao thông

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến giao thông. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

으로, 어서; 으로, 에서~까지, 어서; 으니까, -지말다; ㄷ/르동사

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến giao thông.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 으로, 어서

- 으로, 에서~까지, 어서

- 으니까, -지말다

- ㄷ/르동사

Bài 8: 전화 Điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chủ đề điện thoại. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

을게요, 이나; 는데요, 은데요; 에게서, 으면; 을거예요, 만

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng về chủ đề điện thoại.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 을게요, 이나

- 는데요, 은데요

- 에게서, 으면

- 을거예요, 만

Bài 9: 날씨와 계절

Thời tiết và các mùa trong năm

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến thời tiết và mùa. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

는데,은데,을수있다; 은후에,겠; 보다, 을것같다; 는군요, 고있다

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến thời tiết và mùa.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 는데,은데,을수있다

- 은후에,겠

- 보다, 을것같다

- 는군요, 고있다

Bài 10: 휴일과방학

Ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

으려고하다; 을때, 중에서~제일; 에~쯤,못; 기전에, 지못하다.

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 으려고하다

- 을때, 중에서~제일

- 에~쯤,못

- 기전에, 지못하다

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:Viết đơn giản về các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày với các cấu trúc đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu.
- Kỹ năng:Viết và sử dụng các cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Hàn trong hoạt động đơn giản hàng ngày.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách

nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút(cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)

- Số lần kiểm tra: 2-3 lần.
- Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên:Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.
- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Tiếng Hàn 1–Trường Đại học Yonsei - NXB ĐH Yonsei, 2008.

[2]. Tiếng Hàn viết 1 – Bal Haeng In, Kim Chung Sun- Trường Đại học Korea Digital 2007

[3]. Luyện tập sử dụng 1. Kim Mi Uk, Park Ji Yeon – NXB Trường Đại học Yonsei, 2008.

[4]. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 1. Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyến, NXB Darakwon, 2008.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn viết 2 (한국어 쓰기 2)

Mã môn học: MH10

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Được bố trí sau môn học tiếng Hàn viết I
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, nâng cao kỹ năng viết, hiểu, sử dụng cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Hàn Quốc.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này sinh viên có khả năng:

Nâng cao kỹ năng viết, làm giàu vốn từ vựng và ngữ pháp thông qua các chủ đề. Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ. Có thể ứng dụng hiện tượng ngữ pháp đã học vào các kỹ năng như nghe, nói, đọc, viết,...

- Về kiến thức: Sử dụng ngữ pháp đã học, viết thành những câu đơn giản trong tiếng Hàn
- Về kỹ năng: phát triển được kỹ năng viết thông qua các dạng bài tập ở mỗi chủ đề.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động, tự giác đọc, viết, hiểu ngữ pháp, cấu trúc câu trong tiếng Hàn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. 소개 Giới thiệu	10	3	6	
2	Bài 2. 한국음식 Món ăn Hàn Quốc	10	3	6	
3	Bài 3. 시장 Chợ	10	3	6	
4	Bài 4. 초대 Lời mời	10	3	6	
5	Bài 5. 교통 Giao thông	10	3	5	1
6	Bài 6. 공공기관 Cơ quan công cộng	10	3	6	
7	Bài 7. 전화 Điện thoại	10	3	6	

8	Bài 8. 병원 Bệnh viện	10	3	6	
9	Bài 9. 여행 Du lịch	10	3	5	1
10	Bài 10. 집안일 Việc trong nhà	10	3	5	1
	Cộng	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 소개 Giới thiệu

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này học sinh có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng với chủ đề giới thiệu. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp về giới thiệu.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng với chủ đề giới thiệu.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ.

- 기때문에, 이든지
- 은지
- 는데
- 어지다, 으려고
- 어하다, 겠군요

Bài 2: 한국음식 Món ăn Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng với chủ đề các món ăn Hàn Quốc. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

어보다, 어야하다;은적있다, 는데; 부터, 게; 어도되다, 으면안되다

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng với chủ đề các món ăn Hàn Quốc.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 어보다, 어야하다
- 은적있다, 는데

- 부터, 게
- 어도되다, 으면안되다

Bài 3: 시장 Chợ

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chợ. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

을까하다, 기는하지만; 어보다, 는데; 으로하다, 어도; 으니까;
었으면 좋겠다

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về chủ đề chợ

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 을까하다, 기는하지만
- 어보다, 는데
- 으로하다, 어도
- 으니까
- 었으면 좋겠다

Bài 4: 초대 Lời mời

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề lời mời. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

반말: 어, 이야, 이나(+동사)

반말: 지마, 을지–을지

반말: 는다, 니?, 어라, 기로하다 반말: 자, 어가지고

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề mời chào.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ.

- 반말: 어, 이야, 이나(+동사)

- 반말: 지마, 을지–을지
- 반말: 는다, 니?, 어라, 기로하다
- 반말: 자, 어가지고

Bài 5: 교통 Giao thông

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng với chủ đề giao thông. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

는지알다/모르다,으로; 으려면,이나; 었다가, 나요; 어보이다, 다가

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng với chủ đề giao thông

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 는지알다/모르다,으로
- 으려면,이나
- 었다가, 나요
- 어보이다, 다가

Bài 6: 공공기관 Cơ quan công cộng

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chủ đề cơ quan công cộng Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

에대해서, 을지모르겠다; 는동안, 에대해서; 거나, 습니다만;
어있다, 지않으면안되다

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng về chủ đề cơ quan công cộng

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 에대해서, 을지모르겠다
- 는동안, 에대해서

- 거나, 습니다만
- 어있다, 지않으면안되다

Bài 7:전화 Điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chủ đề điện thoại. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

자고하다, 는다고하다, 이라고하다, 냐고하다; 어야겠다

게되다, 으라고하다; 달라고하다

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đếnđiện thoại.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 자고하다, 는다고하다, 이라고하다, 냐고하다
- 어야겠다
- 게되다, 으라고하다
- 달라고하다

Bài 8:병원 Bệnh viện

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng về chủ đề liên quan đến bệnh viện. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

에다가, ㅆ동사; 는데다가, 지말고; 기위해서, 아무; 얼마나~는지모르다, 나보다

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng về chủ đề liên quan đến bệnh viện.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 에다가, ㅆ동사
- 는데다가, 지말고
- 기위해서, 아무

- 얼마나~는지모르다, 나보다

Bài 9: 여행 Du lịch

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến du lịch. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 밖에, 었던

- 만에, 만큼

- 어서그런지, 더군요

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến du lịch.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 밖에, 었던

- 만에, 만큼

- 어서그런지, 더군요

Bài 10: 집안일 Việc trong nhà

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Viết, đọc, giao tiếp và sử dụng từ vựng liên quan đến các công việc trong nhà. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 으면-을수록

- 는줄알다, 처럼

- 덕분에, 으면서

- 을테니까

2. Nội dung của bài

2.1 Viết, đọc và sử dụng từ vựng liên quan đến các công việc trong nhà.

2.2 Cấu trúc câu và ngữ pháp khi sử dụng các từ:

- 으면-을수록

- 는줄알다, 처럼
- 덕분에, 으면서
- 을테니까

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Cấu trúc câu và ngữ pháp, làm giàu vốn từ vựng và ngữ pháp thông qua các chủ đề.
 - Kỹ năng: Nâng cao kỹ năng viết và hiểu được các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công
2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút (cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)
 - Số lần kiểm tra: 2-3 lần.
 - Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc
 - Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.
 - Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học
3. Những trọng tâm cần chú ý:
4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Tiếng Hàn 2 – Trường Đại học Yonsei - NXB ĐH Yonsei, 2008.

[2]. Tiếng Hàn viết 2 – Bal Haeng In, Kim Chung Sun- Trường Đại học Korea Digital 2007

[3]. Luyện tập sử dụng 2. Kim Mi Uk, Park Ji Yeon – NXB Trường Đại học Yonsei, 2008.

[4]. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2. Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện, NXB Darakwon, 2008.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn nói 1 (한국어 말하기 1)

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học các môn: môn học chung; môn học cơ sở; môn học chuyên môn như ngữ âm tiếng Hàn.
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, cung cấp kỹ năng nói tiếng Hàn cơ bản, luyện tập nói bằng tiếng Hàn theo các chủ đề; tình huống và hoạt động cá nhân, cặp và nhóm theo hướng giao tiếp, gắn liền với thực tế với vốn từ vựng, vốn kiến thức xã hội phù hợp.

II. Mục tiêu môn học:

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của môn học, để hình thành kỹ năng nói tiếng Hàn cơ bản như sử dụng tiếng Hàn để giao tiếp xã giao; ngắn gọn là công việc thường xuyên ở các đơn vị kinh tế, các doanh nghiệp, các nhà kinh doanh.

- Về kiến thức: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vốn từ; các cấu trúc ngữ pháp đơn giản trong giao tiếp;
- Về kỹ năng: Môn học giúp cho sinh viên nói được những câu đơn giản hay những đoạn hội thoại ngắn; sử dụng được những cấu trúc ngữ pháp đơn giản trong giao tiếp; có thể hỏi và trả lời được trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Môn học giúp cho sinh viên hiểu rõ về thể thức giao tiếp cơ bản, các hội thoại ngắn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 인사 Chào hỏi	9	3	6	
2	Bài 2: 학교와 집 Gia đình và trường học	9	3	6	
3	Bài 3 : 가족과 친구 Gia đình và bạn bè	9	3	6	
4	Bài 4: 음식 Âm thực	9	3	6	
5	Bài 5: 하루 생활 Sinh hoạt hằng ngày	9	3	5	1

6	Bài 6: 물건 사기 Mua sắm	9	3	6	
7	Bài 7: 교통 Giao thông	9	3	6	
8	Bài 8: 전화 Điện thoại	9	3	6	
9	Bài 9: 날씨와 계절 Thiết tiết và bốn mùa	9	3	5	1
10	Bài 10: 휴일과 방학 Ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè	9	3	5	1
	Cộng	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 인사 Chào hỏi

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách chào hỏi, tự giới thiệu bản thân; những từ vựng về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào, những từ thường dùng; Hiểu rõ văn hóa về cách chào hỏi của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Cách chào hỏi khi lần đầu tiên gặp mặt/ cách chào hỏi thông thường

2.2 Cách giới thiệu bản thân.

2.3 Từ vựng về tên quốc gia/ nghề nghiệp

2.4 Văn hóa chào hỏi của người Hàn Quốc.

Bài 2: 학교와 집 Gia đình và trường học

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách hỏi và trả lời về địa điểm; những từ vựng về địa điểm, những giới từ; động từ thường dùng để nói về địa điểm; Hiểu rõ văn hóa về cách hỏi và trả lời về địa điểm của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về giới từ, danh từ địa điểm, các từ để hỏi liên quan tới hỏi đường/ địa điểm

2.2 Cách hỏi đường

2.3 Cách hỏi vị trí đồ vật trong nhà và trường học

2.4 Văn hóa sinh hoạt trường học của Hàn Quốc

Bài 3 : 가족과 친구 Gia đình và bạn bè

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách giới thiệu về các thành viên trong gia đình; giới thiệu về bạn bè; những từ vựng về các thành viên trong gia đình; Hiểu rõ văn hóa

về cách giới thiệu về người khác của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Danh từ chỉ các thành viên trong gia đình

2.2 Đại từ chỉ định

2.3 Cách giới thiệu thành viên/ giới thiệu bạn bè

2.4 Văn hóa gia đình của người Hàn Quốc

Bài 4: 음식 Ẩm thực

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi món ăn; đặt món ăn; những từ vựng về các món ăn; gia vị của món ăn; Hiểu rõ văn hóa về gọi món; đặt ăn của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Tên các món ăn

2.2 에~쯤, 못

2.3 Cách gọi món

2.4 Câu hỏi xin phép

2.5 Câu đề nghị

2.6 Tính từ về vị giác

2.7 Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

Bài 5: 하루 생활 Sinh hoạt trường học

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách sử dụng các mẫu câu giới thiệu đồ vật, mẫu câu giao tiếp nói chuyện với bạn bè, sinh hoạt ở ký túc xá, sinh hoạt tại thư viện...

2. Nội dung của bài

2.1 Danh từ chỉ đồ vật trong nhà trường

2.2 Các hoạt động ngoại khóa

2.3 으려고 하다

2.4 Các mẫu câu giả định, nguyên nhân – hệ quả, mẫu câu thỉnh dụ

2.5 Giới thiệu văn hóa trường học ở Hàn Quốc.

Bài 6: 물건 사기 Mua sắm

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các tình huống mua đồ vật trong siêu thị, chợ...

cung cấp từ vựng đa dạng về đồ vật dùng trong sinh hoạt hằng ngày, mẫu câu xin phép, nài nỉ...cách đọc và sử dụng các loại số đếm trong tiếng Hàn và các lưu ý

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về đồ vật

2.2 Tình huống giao tiếp khi mua hàng

2.3 Mẫu câu xin phép

2.4 Số từ trong tiếng Hàn Quốc

2.5 Văn hóa mua sắm tại Hàn Quốc

Bài 7: 교통 Giao thông

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách giao tiếp khi tham gia giao thông, các phương tiện giao thông, các từ vựng liên quan đến biển báo và văn hóa giao thông tại Hàn Quốc. Mẫu câu mệnh lệnh, đề nghị ai đó làm gì

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về phương tiện giao thông

2.2 Các tình huống giao tiếp khi bắt tắc xi, đi xe buýt và tàu điện ngầm

2.3 Mẫu câu mệnh lệnh

2.4 Ngữ pháp 어보다, 는데

2.5 Giới thiệu văn hóa giao thông ở Hàn Quốc.

Bài 8: 전화 Điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi điện thoại trong các tình huống cụ thể; cách đọc số; mẫu câu xin lỗi, nhờ vả...

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng liên quan tới các tình huống giao tiếp bằng điện thoại

2.2 Mẫu câu nhờ vả/ xin lỗi

2.3 Ngữ pháp 을 때, 중에서~제일

2.4 Các tình huống gọi điện thoại

2.5 Văn hóa sử dụng điện thoại của người Hàn Quốc

Bài 9: 날씨와 계절 Thời tiết và bốn mùa

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về thời tiết, tính từ chỉ cảm giá, màu sắc. Các tình huống hỏi về thời tiết và mùa trong năm. Thời tiết 04 mùa của Hàn Quốc.

Mẫu câu giả định; câu cầu khiến.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về thời tiết và 04 mùa

2.2 Cách hỏi về thời tiết

2.3 Ngữ pháp 기 전에, 지 못하다

2.4 Biểu đạt màu sắc trong các tình huống cụ thể

Bài 10: 휴일과 방학 Ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được từ vựng các ngày nghỉ trong năm, mẫu câu xin phép, mẫu câu miêu tả, mẫu câu dự định. Học các tình huống giao tiếp liên quan đến kỳ nghỉ.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng các ngày nghỉ

2.2 Mẫu câu xin phép

2.3 Văn hóa nghỉ phép của Hàn Quốc.

2.4 Ngữ pháp 기때문에/ 때문에

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Sinh viên được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp trực tiếp hoặc trắc nghiệm đạt được các nội dung của 10 bài học.

- Kỹ năng: Sinh viên được đánh giá khả năng giao tiếp; hỏi, đáp các nội dung theo các chủ điểm từ vựng đã học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: làm bài tập kiểm tra miệng, vấn đáp (đưa từ gợi ý và nói theo mẫu cho sẵn); Số lần kiểm tra: 2-3 lần.

Kiểm tra hết học phần bằng việc cho sinh viên bốc thăm chọn chủ đề để nói.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp đưa từ mới hoặc những câu ví dụ mẫu yêu cầu sinh viên thực hành; Luyện phát âm chính xác với từng từ mới và từng câu; Cho sinh viên làm việc theo cặp nhóm, hội thoại cùng nhau về chủ đề đã học bằng tiếng Hàn nhằm tăng khả năng phản xạ nghe nói của sinh viên.

- Đối với người học: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Tiếng Hàn 1. Cho Hyung Song, Lee Seong Cheong, Kim Bo Kyung, NXB Trường Đại học Yonsei, 2008.

[2] Giáo trình tiếng Hàn sơ cấp 1 –, NXB Đại học Quốc gia Seoul - 2000.

[3]. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 1 –1. Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyến, NXB Darakwon, 2008.

[4]. Tiếng Hàn sơ cấp 1 -NXB Đại học Kyung Hee – 2000. [5]. Luyện nói tiếng Hàn 1 - NXB Đại học nữ Ewha - 2006.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn nói 2 (한국어 말하기 2)

Mã môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học các môn: môn học chung; môn học cơ sở; môn học chuyên môn như ngữ âm tiếng Hàn; tiếng Hàn nói 1.
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, cung cấp kỹ năng nói tiếng Hàn nâng cao, luyện tập kỹ năng nói thông qua nhiều tình huống trong đời sống xã hội như: Tìm hiểu về tôn giáo, sử dụng các dịch vụ của ngân hàng, bưu điện, xuất nhập cảnh với vốn từ vựng phong phú, vốn kiến thức xã hội phù hợp.

II. Mục tiêu môn học:

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của môn học, để hình thành kỹ năng nói tiếng Hàn nâng cao như sử dụng tiếng Hàn để giao tiếp biết những kiến thức cơ sở, tăng cường vốn kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Hàn.

- Về kiến thức: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Hàn;
- Về kỹ năng: Môn học giúp cho sinh viên có thể nói được những câu nói dài hay đoạn hội thoại cơ bản; sử dụng được những cấu trúc ngữ pháp đơn giản trong giao tiếp; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin liên quan.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Môn học giúp cho sinh viên hiểu được vai trò đặc biệt quan trọng của kỹ năng nói và tích cực trau dồi kỹ năng để áp dụng trong giao tiếp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 소개 Giới thiệu	9	3	6	
2	Bài 2: 한국음식 Âm thực Hàn Quốc	9	3	6	
3	Bài 3 : 시장 Chợ	9	3	6	
4	Bài 4: 초대 Lời mời	9	3	6	

5	Bài 5: 교통 Giao thông	9	3	5	1
6	Bài 6: 공공기관 Cơ quan nhà nước	9	3	6	
7	Bài 7: 전화 Điện thoại	9	3	6	
8	Bài 8: 병원 Bệnh viện	9	3	6	
9	Bài 9: 여행 Du lịch	9	3	6	
10	Bài 10: 집안일 Công việc trong nhà	9	3	5	1
	Cộng	90	30	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 소개 Giới thiệu

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách chào hỏi, tự giới thiệu bản thân; những từ vựng về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào, những từ thường dùng; Hiểu rõ văn hóa về cách chào hỏi của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Cách chào hỏi khi lần đầu tiên gặp mặt/ cách chào hỏi thông thường

2.2 Cách giới thiệu bản thân.

2.3 Từ vựng về tên quốc gia/ nghề nghiệp

2.4 Văn hóa chào hỏi của người Hàn Quốc.

Bài 2: 한국음식 Ẩm thực Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi món ăn; đặt món ăn; những từ vựng về các món ăn; gia vị của món ăn; Hiểu rõ văn hóa về gọi món; đặt ăn của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Tên các món ăn

2.2 에~쯤, 못

2.3 Cách gọi món

2.4 Câu hỏi xin phép

2.5 Câu đề nghị

2.6 Tính từ về vị giác

2.7 Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

Bài 3. 시장 Chợ

Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về đồ vật, hàng hóa, các tình huống mua sắm ở chợ. Mẫu câu xin phép.

Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 을 까 하다, 기는 하지만

2.2 Ngữ pháp 어보다, 는데

2.3 Từ vựng về đồ vật, hàng hóa

2.4 Ngữ pháp 으니까

2.5 Mẫu câu xin phép

Bài 4. 초대 Lời mời

Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách sử dụng các từ vựng và biểu hiện lời nói suông sã, thân thiết. Ngữ pháp về cách nói thân mật trong sinh hoạt hằng ngày

Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 지마, 을지 – 을지

2.2 Ngữ pháp 반말: 는다, 니?, 어라, 기로하다

2.3 Ngữ pháp 반말: 자, 어 가지고

2.4 Ngữ pháp 어, 이야, 이나(+동사)

Bài 5. 교통 Giao thông

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách giao tiếp khi tham gia giao thông, các phương tiện giao thông, các từ vựng liên quan đến biển báo và văn hóa giao thông tại Hàn Quốc. Mẫu câu mệnh lệnh, đề nghị ai đó làm gì.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về phương tiện giao thông

2.2 Các tình huống giao tiếp khi bắt tắc xi, đi xe buýt và tàu điện ngầm

2.3 Mẫu câu mệnh lệnh

2.4 Ngữ pháp 어보다, 는데

2.5 Giới thiệu văn hóa giao thông ở Hàn Quốc.

2.6 Ngữ pháp 으려면, 이나

2.7 Ngữ pháp 었다가, 나요

2.8 Ngữ pháp 어 보이다, 다가

Bài 6: 공공기관 Cơ quan nhà nước

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về các cơ quan nhà nước, tình huống giao tiếp trong cơ quan nhà nước. Làm quen với các mẫu câu xin phép, nhờ vả, mẫu câu trình trọng, lịch sự.

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 에대해서, 을지모르겠다

2.2 Ngữ pháp 는 동안, 에 대해서

2.3 Ngữ pháp 거나, 습니다만

2.4 Từ vựng các cơ quan nhà nước; tình huống giao tiếp trong cơ quan nhà nước.

Bài 7: 전화 Điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi điện thoại trong các tình huống cụ thể; cách đọc số điện thoại; mẫu câu xin lỗi, nhờ vả.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng liên quan tới các tình huống giao tiếp bằng điện thoại

2.2 Mẫu câu nhờ vả/ xin lỗi

2.3 Ngữ pháp 을 때, 중에서~제일

2.4 Các tình huống gọi điện thoại

2.5 Văn hóa sử dụng điện thoại của người Hàn Quốc

2.6 Ngữ pháp 자고하다, 는다고 하다, 이라고 하다, 냐고 하다

Bài 8: 병원 Bệnh viện

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng liên quan đến bệnh tật. Làm quen với các tình huống đi khám tại bệnh viện.

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 에다가, ㅆ 동사 2.2 Ngữ pháp 는데다가, 지말고 2.3 Ngữ pháp 기 위해서, 아무

2.4 Từ vựng liên quan đến bệnh tật

2.5 Tình huống giao tiếp ở bệnh viện

Bài 9: 여행 Du lịch

Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về du lịch; Làm quen với các tình huống giao tiếp khi đi du lịch.

Nội dung của bài 2.1 Ngữ pháp 밖에, 었던 2.2 Ngữ pháp 만에, 만큼

2.3 Ngữ pháp 어서 그런지, 더군요

2.4 Từ vựng về du lịch

2.5 Tình huống giao tiếp khi đi du lịch

Bài 10: 집안일 Việc trong nhà

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng đồ vật trong nhà, các động từ liên quan làm việc trong nhà. Làm quen với các mẫu câu chỉ sự giống nhau; nhờ vào; vừa làm gì vừa làm gì

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 으면-을 수록

2.2 Ngữ pháp 는 줄알다, 처럼

2.3 Ngữ pháp 덕분에, 으면서

2.4 Ngữ pháp 을테니까

2.5 Từ vựng đồ vật trong nhà

2.6 Các động từ liên quan làm việc trong nhà

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Sinh viên được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp trực tiếp hoặc trắc

nghiệm đạt được các nội dung của 10 bài học.

- Kỹ năng: Có khả năng giao tiếp; hỏi, đáp các nội dung theo các chủ điểm từ vựng đã học

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: làm bài tập kiểm tra miệng, vấn đáp (đưa từ gợi ý và nói theo mẫu cho sẵn);

Số lần kiểm tra: 2-3 lần.

Kiểm tra hết học phần bằng việc cho sinh viên bốc thăm chọn chủ đề để nói.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp đề cao tính thực hành bằng việc đưa chủ đề, từ vựng rồi để sinh viên luyện tập. Luyện phát âm nhanh, chính xác với từng từ câu. Cho sinh viên làm việc theo cặp nhóm, hội thoại cùng nhau về chủ đề đã học bằng tiếng Hàn nhằm tăng khả năng phản xạ nghe nói của sinh viên. Cho sinh viên nghe những câu đàm thoại và nói lại những câu đàm thoại.

- Đối với người học: Phát âm nhiều lần trong một câu để phản xạ tốt trong khi nghe và nói. Sinh viên có thể cùng nhau luyện tập và tự chỉnh sửa phát âm cho nhau.

1. Những trọng tâm cần chú ý:

2. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Tiếng Hàn 2. Cho Hyung Song, Lee Seong Cheong, Kim Bo Kyung, NXB Trường Đại học Yonsei, 2008.

[2] Giáo trình tiếng Hàn sơ cấp 2 –NXB Đại học Quốc gia Seoul –2000.

[3]. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2 –Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyến, NXB

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn nghe 1 (한국어 듣기 1)

Mã môn học: MH13

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học các môn: môn học chung; môn học cơ sở; môn học chuyên môn như ngữ âm tiếng Hàn.
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, cung cấp kỹ năng nghe tiếng Hàn cơ bản đơn giản ban đầu với những bài khóa có thông tin đơn giản, ngắn gọn, từ ngữ, cấu trúc đơn giản giúp sinh viên dễ nghe, dễ hiểu, luyện tập nghe bằng tiếng Hàn theo các chủ đề: Chào hỏi, giới thiệu về bản thân, nghề nghiệp, giới thiệu về đất nước, trường học, những công việc và hoạt động đơn giản nhất của cuộc sống hàng ngày; Luyện nghe thông tin về thời gian, mua sắm, ẩm thực, nhà cửa và gia đình; các tình huống và hoạt động cá nhân, đồng thời lồng ghép các nội dung học về ngữ pháp, cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức mới và củng cố kiến thức, nâng cao khả năng sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Hàn phù hợp với sinh viên trung cấp.

II. Mục tiêu môn học:

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của môn học, để hình thành kỹ năng nghe tiếng Hàn cơ bản đơn giản ban đầu với những từ ngữ, cấu trúc đơn giản dễ nghe, dễ hiểu để sử dụng tiếng Hàn khi giao tiếp xã giao; ngắn gọn là công việc thường xuyên ở các đơn vị kinh tế, các doanh nghiệp, các nhà kinh doanh.

- Về kiến thức: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp và cách thức nghe, hiểu tiếng Hàn ở mức độ cơ bản nhất là âm tiết, từ vựng cho đến các câu đơn giản.
- Về kỹ năng: Môn học giúp sinh viên có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày; Luyện nghe thông tin về thời gian, mua sắm, ẩm thực, nhà cửa và gia đình; các tình huống và hoạt động cá nhân; Sử dụng được những cấu trúc ngữ pháp đơn giản trong giao tiếp; Có thể hỏi và trả lời được trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Môn học giúp sinh viên cảm thụ được ngôn ngữ Hàn Quốc thông qua việc nghe bằng và giao tiếp trực tiếp với người bản ngữ

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 인사 Chào hỏi	9	3	6	
2	Bài 2: 학교와 집 Gia đình và trường học	9	3	6	
3	Bài 3 : 가족과 친구 Gia đình và bạn bè	9	3	6	
4	Bài 4: 음식 Âm thực	9	3	6	
5	Bài 5: 하루 생활 Sinh hoạt hằng ngày	9	3	5	1
6	Bài 6: 물건 사기 Mua sắm	9	3	6	
7	Bài 7: 교통 Giao thông	9	3	6	
8	Bài 8: 전화 Điện thoại	9	3	6	
9	Bài 9: 날씨와 계절 Thiết tiết và bốn mùa	9	3	6	
10	Bài 10: 휴일과 방학 Ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè	9	3	5	1
	Cộng	90	30	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 인사 Chào hỏi

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách chào hỏi, tự giới thiệu bản thân; những từ vựng về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào, những từ thường dùng; Hiểu rõ văn hóa về cách chào hỏi của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Cách chào hỏi khi lần đầu tiên gặp mặt/ cách chào hỏi thông thường

2.2 Cách giới thiệu bản thân.

2.3 Từ vựng về tên quốc gia/ nghề nghiệp

2.4 Văn hóa chào hỏi của người Hàn Quốc.

Bài 2: 학교와 집 Gia đình và trường học

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách hỏi và trả lời về địa điểm; những từ vựng về địa điểm, những giới từ; động từ thường dùng để nói về địa điểm; Hiểu rõ văn hóa về cách hỏi và trả lời về địa điểm của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

Từ vựng về giới từ, danh từ địa điểm, các từ để hỏi liên quan tới hỏi đường/ địa điểm Cách hỏi đường

Cách hỏi vị trí đồ vật trong nhà và trường học Văn hóa sinh hoạt trường học của Hàn Quốc

Bài 3 : 가족과 친구 Gia đình và bạn bè

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách giới thiệu về các thành viên trong gia đình; giới thiệu về bạn bè; những từ vựng về các thành viên trong gia đình; Hiểu rõ văn hóa về cách giới thiệu về người khác của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Danh từ chỉ các thành viên trong gia đình

2.2 Đại từ chỉ định

2.3 Cách giới thiệu thành viên/ giới thiệu bạn bè

2.4 Văn hóa gia đình của người Hàn Quốc

Bài 4: 음식 Ẩm thực

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi món ăn; đặt món ăn; những từ vựng về các món ăn; gia vị của món ăn; Hiểu rõ văn hóa về gọi món; đặt ăn của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Tên các món ăn

2.2 에~쯤, 못

2.3 Cách gọi món

2.4 Câu hỏi xin phép

2.5 Câu đề nghị

2.6 Tính từ về vị giác

2.7 Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

Bài 5: 하루 생활 Sinh hoạt trường học

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách sử dụng các mẫu câu giới thiệu đồ vật, mẫu câu giao tiếp nói chuyện với bạn bè, sinh hoạt ở ký túc xá, sinh hoạt tại thư viện...

2. Nội dung của bài

2.1 Danh từ chỉ đồ vật trong nhà trường

2.2 Các hoạt động ngoại khóa

2.3 으려고 하다

2.4 Các mẫu câu giả định, nguyên nhân – hệ quả, mẫu câu thỉnh dụ

2.5 Giới thiệu văn hóa trường học ở Hàn Quốc.

Bài 6: 물건 사기 Mua sắm

Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các tình huống mua đồ vật trong siêu thị, chợ... cung cấp từ vựng đa dạng về đồ vật dùng trong sinh hoạt hằng ngày, mẫu câu xin phép, nài nỉ...cách đọc và sử dụng các loại số đếm trong tiếng Hàn và các lưu ý

Nội dung của bài Từ vựng về đồ vật

Tình huống giao tiếp khi mua hàng Mẫu câu xin phép

Số từ trong tiếng Hàn Quốc Văn hóa mua sắm tại Hàn Quốc

Bài 7: 교통 Giao thông

Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách giao tiếp khi tham gia giao thông, các phương tiện giao thông, các từ vựng liên quan đến biển báo và văn hóa giao thông tại Hàn Quốc. Mẫu câu mệnh lệnh, đề nghị ai đó làm gì

Nội dung của bài

Từ vựng về phương tiện giao thông

Các tình huống giao tiếp khi bắt tắc xi, đi xe buýt và tàu điện ngầm Mẫu câu mệnh lệnh

Ngữ pháp 어보다, 는데

Giới thiệu văn hóa giao thông ở Hàn Quốc.

Bài 8: 전화 Điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi điện thoại trong các tình huống cụ thể; cách đọc số; mẫu câu xin lỗi, nhờ vả...

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng liên quan tới các tình huống giao tiếp bằng điện thoại

2.2 Mẫu câu nhờ vả/ xin lỗi

2.3 Ngữ pháp 을 때, 중에서~제일

2.4 Các tình huống gọi điện thoại

2.5 Văn hóa sử dụng điện thoại của người Hàn Quốc

Bài 9: 날씨와 계절 Thời tiết và bốn mùa

Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về thời tiết, tính từ chỉ cảm giá, màu sắc. Các tình huống hỏi về thời tiết và mùa trong năm. Thời tiết 04 mùa của Hàn Quốc. Mẫu câu giả định; câu cầu khiến.

Nội dung của bài

Từ vựng về thời tiết và 04 mùa Cách hỏi về thời tiết

Ngữ pháp 기 전에, 지 못하다

Biểu đạt màu sắc trong các tình huống cụ thể

Bài 10: 휴일과 방학 Ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được từ vựng các ngày nghỉ trong năm, mẫu câu xin phép, mẫu câu miêu tả, mẫu câu dự định. Học các tình huống giao tiếp liên quan đến kỳ nghỉ.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng các ngày nghỉ

2.2 Mẫu câu xin phép

2.3 Văn hóa nghỉ phép của Hàn Quốc.

2.4 Ngữ pháp 기때문에/ 때문에

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 s.viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra tiếp hoặc trắc nghiệm đạt được các nội dung của 10 bài học.

- Kỹ năng: Có khả năng giao tiếp; hỏi, đáp các nội dung theo các chủ điểm từ vựng đã

học

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Kiểm tra kỹ năng nghe hiểu qua băng và trả lời câu hỏi trên giấy 15 phút. Số lần kiểm tra: 2-3 lần. Thi hết học phần: Thi kỹ năng nghe – hiểu qua băng và trả lời câu hỏi kết hợp với hội thoại trực tiếp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp đề cao tính thực hành bằng việc cho sinh viên nghe giảng, nghe – hiểu qua băng, xem video và trả lời câu hỏi. Ngoài ra kết hợp tổ chức hội thoại ngắn theo nhóm bằng tiếng Hàn: luyện kỹ năng nói – nghe – hiểu.

- Đối với người học: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Tiếng Hàn 1. Cho Hyung Song, Lee Seong Cheong, Kim Bo Kyung, NXB Trường Đại học Yonsei, 2008.

[2] Giáo trình tiếng Hàn sơ cấp 1 –NXB Đại học Quốc gia Seoul — 2000.

[3]. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 1 –. Cho Hang Rok, Lee Mi

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn nghe 2 (한국어 듣기 2)

Mã môn học: MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 88 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học các môn: môn học chung; môn học cơ sở; môn học chuyên môn như ngữ âm tiếng Hàn; Tiếng Hàn nghe 1
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, nâng cao thêm kỹ năng nghe – hiểu tiếng Hàn cho sinh viên theo nhiều chủ đề khác nhau với lượng thông tin vừa phải, mức độ phức tạp của cấu trúc ngữ pháp và từ vựng ở mức trung bình nói về các công việc của đời sống thường ngày như: Thời tiết, điện thoại, sinh nhật, giao thông, gặp gỡ, hẹn hò, mua sắm, bệnh viện, thư từ và điện thoại... Cung cấp thêm những kiến thức về ngữ pháp tiếng Hàn và biết vận dụng trong quá trình luyện nghe để hiểu ngữ nghĩa dễ dàng và chính xác hơn với vốn từ vựng phong phú, vốn kiến thức xã hội phù hợp với sinh viên trung cấp.

II. Mục tiêu môn học:

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của môn học, để hình thành kỹ năng nghe tiếng Hàn cơ bản, mức độ phức tạp của cấu trúc ngữ pháp và từ vựng ở mức trung bình nói về các công việc của đời sống thường ngày.

- Về kiến thức: Môn học này giúp cho sinh viên tăng cường vốn kiến thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Hàn.
- Về kỹ năng: Môn học này giúp cho sinh viên tăng cường và củng cố kỹ năng nghe – hiểu cho sinh viên: nghe và trả lời câu hỏi, hoàn thiện câu... nâng cao kỹ năng nghe – hiểu cơ bản cho sinh viên. Sinh viên có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Sinh viên có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, trao đổi thông tin và thể hiện quan điểm, sở thích... của cá nhân.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Môn học này giúp cho sinh viên thấy được vai trò quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng nghe – hiểu trong quá trình học tập đối với một ngôn ngữ.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	Bài 1: 소개 Giới thiệu	11	3	8	
2	Bài 2: 한국음식 Ẩm thực Hàn Quốc	12	3	9	
3	Bài 3 : 시장 Chợ	12	3	9	
4	Bài 4: 초대 Lời mời	12	3	9	
5	Bài 5: 교통 Giao thông	12	3	8	1
6	Bài 6: 공공기관 Cơ quan nhà nước	12	3	9	
7	Bài 7: 전화 Điện thoại	12	3	9	
8	Bài 8: 병원 Bệnh viện	12	3	9	
9	Bài 9: 여행 Du lịch	12	3	9	
10	Bài 10: 집안일 Công việc trong nhà	13	3	9	1
	Cộng	120	30	88	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 소개 Giới thiệu

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách chào hỏi, tự giới thiệu bản thân; những từ vựng về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào, những từ thường dùng; Hiểu rõ văn hóa về cách chào hỏi của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Cách chào hỏi khi lần đầu tiên gặp mặt/ cách chào hỏi thông thường

2.2 Cách giới thiệu bản thân.

2.3 Từ vựng về tên quốc gia/ nghề nghiệp

2.4 Văn hóa chào hỏi của người Hàn Quốc.

Bài 2: 한국음식 Ẩm thực Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi món ăn; đặt món ăn; những từ vựng về các món ăn; gia vị của món ăn; Hiểu rõ văn hóa về gọi món; đặt ăn của người Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

2.1 Tên các món ăn

2.2 Ngữ pháp 에~쯤, 못

2.3 Cách gọi món

- 2.4 Câu hỏi xin phép
- 2.5 Câu đề nghị
- 2.6 Tính từ về vị giác
- 2.7 Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

Bài 3. 시장 Chợ

- 1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về đồ vật, hàng hóa, các tình huống mua sắm ở chợ. Mẫu câu xin phép.

- 2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 을 까 하다, 기는 하지만

2.2 Ngữ pháp 어보다, 는데

2.3 Từ vựng về đồ vật, hàng hóa 2.4 Ngữ pháp 으니까

2.5 Mẫu câu xin phép

Bài 4. 초대 Lời mời

- 1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách sử dụng các từ vựng và biểu hiện lời nói suồng sã, thân thiết trong sinh hoạt hằng ngày.

- 2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 지마, 을지 – 을지

2.2 Ngữ pháp 반말: 는다, 니?, 어라, 기로하다

2.3 Ngữ pháp 반말: 자, 어가지고

2.4 Cách nói thân thiết trong sinh hoạt hằng ngày: 어, 이야, 이나(+동사)

Bài 5. 교통 Giao thông

- 1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách giao tiếp khi tham gia giao thông, các phương tiện giao thông, các từ vựng liên quan đến biển báo và văn hóa giao thông tại Hàn

Quốc. Mẫu câu mệnh lệnh, đề nghị ai đó làm gì.

- 2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng về phương tiện giao thông

2.2 Các tình huống giao tiếp khi bắt tắc xi, đi xe buýt và tàu điện ngầm

2.3 Mẫu câu mệnh lệnh

2.4 Ngữ pháp 어보다, 는데

2.5 Giới thiệu văn hóa giao thông ở Hàn Quốc.

2.6 Ngữ pháp 으려면,이나

2.7 Ngữ pháp 었다가, 나요

2.8 Ngữ pháp 어 보이다, 다가

Bài 6: 공공기관 Cơ quan nhà nước

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về các cơ quan nhà nước, tình huống giao tiếp trong cơ quan nhà nước. Làm quen với các mẫu câu xin phép, nhờ vả, đề nghị, mẫu câu trình trọng, lịch sự.

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 에대해서, 을지모르겠다

2.2 Ngữ pháp 는 동안, 에 대해서

2.3 Ngữ pháp 거나, 습니다만

2.4 Từ vựng các cơ quan nhà nước; tình huống giao tiếp trong cơ quan nhà nước.

Bài 7: 전화 Điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được cách gọi điện thoại trong các tình huống cụ thể; cách đọc số; mẫu câu xin lỗi, nhờ vả.

2. Nội dung của bài

2.1 Từ vựng liên quan tới các tình huống giao tiếp bằng điện thoại

2.2 Mẫu câu nhờ vả/ xin lỗi

2.3 을 때, 중에서~제일

2.4 Các tình huống gọi điện thoại

2.5 Văn hóa sử dụng điện thoại của người Hàn Quốc

2.6 Ngữ pháp 자고하다, 는다고 하다, 이라고 하다, 냐고 하다

Bài 8: 병원 Bệnh viện

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng liên quan đến bệnh tật. Làm quen với

các tình huống đi khám tại bệnh viện.

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 에다가, ㅸ 동사

2.2 Ngữ pháp 는데다가, 지말고

2.3 Ngữ pháp 기 위해서, 아무

2.4 Từ vựng liên quan đến bệnh tật

2.5 Tình huống giao tiếp ở bệnh viện

Bài 9: 여행 Du lịch

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng về du lịch; Làm quen với các tình huống giao tiếp khi đi du lịch.

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 밖에, 었던

2.2 Ngữ pháp 만에, 만큼

2.3 Ngữ pháp 어서 그런지, 더군요

2.4 Từ vựng về du lịch

2.5 Tình huống giao tiếp khi đi du lịch

Bài 10: 집안일 Việc trong nhà

1. Mục tiêu của bài

Giúp cho sinh viên nắm được các từ vựng đồ vật trong nhà, các động từ liên quan làm việc trong nhà. Làm quen với các mẫu câu chỉ sự giống nhau; nhờ vào; vừa làm gì vừa làm gì

2. Nội dung của bài

2.1 Ngữ pháp 으면-을 수록

2.2 Ngữ pháp 는 줄알다, 처럼

2.3 Ngữ pháp 덕분에, 으면서

2.4 Ngữ pháp 을테니까

2.5 Từ vựng đồ vật trong nhà

2.6 Các động từ liên quan làm việc trong nhà

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Sinh viên được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp trực tiếp hoặc trắc nghiệm đạt được các nội dung của 10 bài học.
 - Kỹ năng: Sinh viên được đánh giá về khả năng giao tiếp; hỏi, đáp các nội dung theo các chủ điểm từ vựng đã học
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công.
2. Phương pháp: Kiểm tra kỹ năng nghe hiểu qua băng và trả lời câu hỏi trên giấy 15 phút. Số lần kiểm tra: 2-3 lần. Thi hết học phần: Thi kỹ năng nghe – hiểu qua băng và trả lời câu hỏi kết hợp với hội thoại trực tiếp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc
 - Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp đề cao tính thực hành bằng việc cho sinh viên nghe giảng, nghe – hiểu qua băng, xem video và trả lời câu hỏi. Ngoài ra kết hợp tổ chức hội thoại ngắn theo nhóm bằng tiếng Hàn: luyện kỹ năng nói – nghe – hiểu.
 - Đối với người học: Nghe nhiều lần trong một câu để phản xạ tốt trong khi nghe và nói. Sinh viên có thể cùng nhau luyện tập và tự chỉnh sửa phát âm cho nhau.

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Tiếng Hàn 2. Cho Hyung Song, Lee Seong Cheong, Kim Bo Kyung, NXB Trường Đại học Yonsei, 2008.

[2] Giáo trình tiếng Hàn sơ cấp 2 –NXB Đại học Quốc gia Seoul - 2000.

[3]. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2 –. Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyến, NXB Darakwon, 2008.

[4]. Tiếng Hàn sơ cấp 2 -NXB Đại học Kyung Hee - 2000.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lý thuyết biên - phiên dịch (통번역 이론)

Mã môn học: MH 15

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học các môn: Tiếng Hàn nghe - 1, nói - 1, đọc - 1, viết - 1.
- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực biên – phiên dịch. Sinh viên được tìm hiểu về bản chất của dịch thuật và các yếu tố ảnh hưởng; Các cơ sở của việc phân loại biên dịch; Các bước thực hiện biên dịch; Kỹ thuật biên dịch; Các loại hình phiên dịch và kỹ thuật phiên dịch.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về phiên và biên dịch ngôn ngữ nói chung và trong tiếng Hàn nói riêng. Hiểu được nguồn gốc, vai trò của dịch, mối liên quan giữa dịch và giao tiếp ngôn ngữ, với tín hiệu học và ngôn ngữ học xã hội, hiểu sâu sắc các hình thức dịch: dịch nội ngữ, dịch liên ngữ, dịch liên chuyển ký hiệu.
- Về kỹ năng: Sinh viên có cái nhìn tổng quát về thao tác dịch nói và dịch viết và có thể lường trước được tất cả những khó khăn của hoạt động này
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đối với từng loại tài liệu gốc và từng loại độc giả của tài liệu dịch, sinh viên có thể xác định ngay phương thức và chọn cách dịch cho phù hợp đảm bảo trung thực với tài liệu gốc và hoàn toàn chịu trách nhiệm với bản dịch

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Hình thức và ngữ nghĩa	14	5	9	
2	Bài 2: Phân loại biên dịch	14	5	9	
3	Bài 3: Các bước khi thực hiện biên dịch	14	5	9	
4	Bài 4: Kỹ thuật biên dịch	17	5	12	
5	Bài 5: Giới thiệu chung về phiên dịch	14	5	9	
6	Bài 6: Kỹ thuật phiên dịch	17	5	11	1
	Cộng	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hình thức và ngữ nghĩa

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất của dịch thuật. Tính chất ngôn ngữ ảnh hưởng đến quá trình phiên dịch.

2. Nội dung của bài

2.1. Bản chất của dịch

2.2. Tính chất ngôn ngữ ảnh hưởng đến quá trình phiên dịch.

Bài 2: Phân loại biên dịch

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp dịch thuật

2. Nội dung của bài

- Dịch trên cơ sở từ vựng, dịch trên cơ sở ngữ nghĩa.
- Dịch theo đặc điểm ngữ pháp, dịch theo đặc điểm từ vựng

Bài 3: Các bước khi thực hiện biên dịch

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một chu trình để thực hiện một dự án dịch thuật và các tiêu chí để thực hiện một chu trình dịch thuật.

2. Nội dung của bài

- Chu trình thực hiện của một dự án dịch
- Tiêu chí khi thực hiện chu trình dịch

Bài 4: Kỹ thuật biên dịch

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, tính chất của ngôn ngữ ảnh hưởng đến quá trình biên dịch và phương án xử lý sự khác biệt đó.

2. Nội dung của bài

- Xử lý khác biệt giữa 2 ngôn ngữ khi dịch.
- Tính chất ngôn ngữ ảnh hưởng đến quá trình biên dịch.

Bài 5: Giới thiệu chung về phiên dịch

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại hình phiên dịch. Các nguyên tắc và đạo đức của người phiên dịch

2. Nội dung của bài

2. 1. Các loại hình phiên dịch

2.2. Nguyên tắc và đạo đức của người phiên dịch.

Bài 6: Kỹ thuật phiên dịch

Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật phiên dịch.

1. Nội dung của bài
2. 1. Các loại hình phiên dịch
- 2.2. Kỹ thuật cơ bản trong phiên dịch
2. 3. Các loại ngôn bản.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm các kiến thức về chính tả tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng viết câu và đoạn văn; nhận diện và khắc phục những lỗi thường gặp về câu và đoạn văn; rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản.
- Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng tạo lập các mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tiếp nhận văn bản, kỹ năng tạo lập văn bản.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có ý thức vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế cuộc sống, tự tin trong quá trình giao tiếp.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu, hình ảnh...
- Đối với Sinh viên: nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ, ý tưởng...

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Hướng dẫn kỹ thuật biên phiên dịch, Nguyễn Quốc Hùng, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2007.

2. Hiểu biết về phiên dịch, thông dịch, Jeong Ho Jeong, NXB Viện phát triển giáo dục tiếng Hàn, 2009.
3. Giáo trình biên - phiên dịch – Khoa tiếng Hàn - NXB Trường ĐH Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2011.
5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phiên dịch tiếng Hàn (한국어 통역1)

Mã môn học: MH16

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học các môn: Lý thuyết phiên dịch; Tiếng Hàn nghe 1; Tiếng Hàn đọc 1; Tiếng Hàn nói 1; Tiếng Hàn viết 1
- Tính chất: Môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về phiên dịch cho sinh viên. Sinh viên có thể nghe hiểu được lời nói của đối phương và dịch chuyển chúng sang tiếng Hàn
- Về kỹ năng: Cung cấp các kỹ năng phiên dịch để sinh viên có phản xạ dịch nhanh, dịch chuẩn và luyện tập dịch nói câu/đoạn hội thoại đúng ngữ điệu, tự nhiên. Sử dụng đúng ngữ điệu, tự nhiên khi dịch nói, nâng cao khả năng phát âm.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hiểu biết thêm về cuộc sống sinh hoạt nhật thường của người Hàn Quốc, hiểu biết thêm về văn hóa, đất nước, con người Hàn Quốc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Chào hỏi	6	1	5	
2	Bài 2: Gọi điện thoại	6	1	5	
3	Bài 3: Ở khách sạn	6	1	5	
4	Bài 4: Ở nhà hàng, đi chợ, mua sắm	6	1	5	
5	Bài 5: Thuê nhà	7	2	4	1
6	Bài 6: Ở ngân hàng	6	1	5	
7	Bài 7: Tại bưu điện	6	1	5	
8	Bài 8: Ở bệnh viện	6	2	4	
9	Bài 9: Tại hãng du lịch	6	1	5	
10	Bài 10: Tại phòng phỏng vấn	6	2	4	
11	Bài 11: Ở công viên	7	1	5	1

12	Bài 12: Giải trí, thể thao	7	1	5	1
	Cộng	75	15	57	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chào hỏi

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi chào hỏi, giới thiệu, gặp gỡ ban đầu; về hỏi thăm sức khỏe, gia đình, công việc,...

2. Nội dung của bài

2.1. Chào hỏi, giới thiệu, gặp gỡ ban đầu

2.2. Hỏi thăm

Bài 2: Gọi điện thoại

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi thực hiện liên lạc qua điện thoại với các đối tác (công ty, khách hàng, ...)

2. Nội dung của bài

2.1. Gọi điện thoại đến công ty

2.2. Gọi điện cho khách hàng

Bài 3: Ở khách sạn

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi thực hiện đặt, giao, nhận phòng ở khách sạn

2. Nội dung của bài

2.1. Nhận phòng

2.2. Trả phòng

2.3. Đặt chỗ

Bài 4: Ở nhà hàng, đi chợ, mua sắm

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi đi chợ, mua sắm và ở nhà hàng

2. Nội dung của bài

2.1. Đặt chỗ

2.2. Gọi món

2.3. Mua sắm hàng hóa

Bài 5: Thuê nhà

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch trong việc thuê nhà (tìm nhà, xem nhà, thuê nhà,...)

2. Nội dung của bài

2.1. Tìm nhà

2.2. Xem nhà

2.3. Thuê nhà

Bài 6: Ở ngân hàng

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi làm việc với ngân hàng

2. Nội dung của bài

2.1. Mở tài khoản

2.2. Đổi tiền

2.3. Chuyển tiền

Bài 7: Tại bưu điện

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi làm việc với bưu điện

2. Nội dung của bài

2.1. Gửi thư

2.2. Gửi bưu phẩm

2.3. Điện hoa

Bài 8: Ở bệnh viện

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi làm việc ở bệnh viện

2. Nội dung của bài

2.1. Chuẩn đoán bệnh

2.2. Khám bệnh

2.3. Cấp cứu

Bài 9: Tại hãng du lịch

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi làm việc với các hãng du lịch

2. Nội dung của bài

- 2.1. Đặt mua vé tàu, vé máy bay
- 2.2. Gọi điện tới hãng du lịch
- 2.3. Đặt các dịch vụ du lịch

Bài 10: Tại phòng phỏng vấn

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi tham gia phỏng vấn

2. Nội dung của bài

- 2.1. Các cuộc phỏng vấn 1,2,3,4

Bài 11: Ở công viên

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi đến công viên

2. Nội dung của bài

- 2.1. Xem thú

- 2.2. Xem xiếc

- 2.3. Dạo chơi

Bài 12: Giải trí, thể thao

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng luyện dịch khi tham gia thể thao, giải trí

2. Nội dung của bài

- 2.1. Xem phim, xem ca nhạc

- 2.2. Thăm quan

- 2.3. Thể thao, bóng đá

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp trực tiếp hoặc trắc nghiệm đạt được các nội dung của 12 bài học

- Kỹ năng: Nghe hiểu được lời nói của đối phương và dịch chuyển chúng sang

tiếng Hàn hoặc tiếng Việt đúng nghĩa thông qua các hội thoại liên quan đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày với các chủ đề đa dạng, phong phú như “Đi chợ, bệnh viện, ở nhà hàng, ở bưu điện...”.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sử dụng đúng ngữ điệu, tự nhiên khi dịch nói, nâng cao khả năng phát âm, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Kiểm tra hết học phần bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.

- Đối với người học: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Hướng dẫn kỹ thuật biên phiên dịch, Nguyễn Quốc Hùng, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2007.

[2]. Hội thoại Hàn – Việt theo chủ đề, Lã Thị Thanh Mai, NXB Từ điển Bách khoa, 2010.

[3]. Hiểu biết về phiên dịch, thông dịch, Jeong Ho Jeong, NXB Viện phát triển giáo dục tiếng Hàn, 2009.

[4]. Giáo trình biên - phiên dịch – Khoa tiếng Hàn - NXB Trường ĐH Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2011.

[5]. Bài giảng Học phần Phiên dịch, Lã Thị Thanh Mai, Trần Hải Dương, 2010. [6]. Giáo trình Hàn Quốc Học, Hội thoại tiếng Hàn cao cấp, NXB Trường Đại học

Seoul, năm 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Hàn đọc

Mã môn học: MH17

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Được bố trí trong học kỳ đầu tiên của khóa học
- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, cung cấp những kỹ năng cơ bản để đọc tiếng Hàn Quốc.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này học sinh có khả năng:

Đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và có thể sử dụng được trong công việc và đời sống hàng ngày.

- Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đọc tiếng Hàn.
- Về kỹ năng: Đọc thành thạo và hiểu được những nội dung các đoạn văn ngắn của ngôn ngữ Hàn Quốc.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: chủ động, tự giác đọc và hiểu các đoạn văn bản ngắn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 한국어와한글소개 Tiếng Hàn và giới thiệu tiếng Hàn	8	1	7	
2	Bài 2: 자기소개 Giới thiệu bản thân	7	1	6	
3	Bài 3: 우리교실 Lớp học	7	1	6	
4	Bài 4: 친구 Bạn bè	7	1	6	
5	Bài 5: 날짜 Thời tiết	8	2	5	1
6	Bài 6: 나의하루 Một ngày của tôi	6	1	5	

7	Bài 7: 식당 Nhà hàng	7	2	5	
8	Bài 8: 동대문시장 Chợ Dongtaemun	8	2	6	
9	Bài 9: 한국음식 Món ăn Hàn Quốc	8	2	5	1
10	Bài 10: 내방 Phòng của tôi	9	2	6	1
	Cộng	75	15	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 한국어와 한글 소개 Tiếng Hàn và giới thiệu tiếng Hàn

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày lịch sử tiếng Hàn, sự ra đời của bộ chữ Hangul. Đọc được bộ chữ Hangul:

- + Nguyên âm
- + Phụ âm
- + Phụ âm cuối
- + Quy tắc viết

2. Nội dung của bài

2.1. Lịch sử tiếng Hàn, sự ra đời của bộ chữ Hangul.

2.2. Bộ chữ Hangul:

2.2.1. Nguyên âm

2.2.2. Phụ âm

2.2.3 Phụ âm cuối

2.2.4 Quy tắc viết

Bài 2: 자기소개 Giới thiệu bản thân

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Giới thiệu về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ: 입니다 ; 입니까 ; 은/는(1)

2. Nội dung của bài

2.1. Giới thiệu về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

입니다 입니까 은/는(1)

Bài 3: 우리교실 Lớp học

1. Mục tiêu của bài.

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày được về nơi chốn, đồ dùng trong trường học, phòng học. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

여기/거기/저기; 이것/그것/저것; 이것/그것/저것; 이/가아닙니다;
이/가

~에있습니다/없습니다

2. Nội dung của bài

2.1. Giới thiệu nơi chốn, đồ dùng trong trường học, phòng học.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 여기/거기/저기
- 이것/그것/저것
- 이/가아닙니다
- 이/가 ~에있습니다/없습니다

Bài 4: 친구 Bạn bè

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày thành thạo các động từ, tính từ, từ vựng liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đại từ nhân xưng để hỏi.

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

ㅁ/습니다; ㅁ/습니까; 을/를

2. Nội dung của bài

2.1. Động từ, tính từ, từ vựng liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đại từ nhân xưng để hỏi.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- ㅁ/습니다
- ㅁ/습니까

- 을/를

Bài 5: 날짜 Thời tiết

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày thành thạo từ vựng liên quan đến ngày tháng.

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ: 숫자; 와/과 ; 예(시간)

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng liên quan đến ngày tháng.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 숫자

- 와/과

- 예(시간)

Bài 6: 나의하루 Một ngày của tôi

1. Mục tiêu của bài

- Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày thành thạo: thời gian, động từ chỉ hoạt động hàng ngày.

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ: - 숫자; 아/어요(1); 예가다; 안

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng liên quan đến thời gian, động từ chỉ hoạt động hàng ngày.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 숫자

- 아/어요(1)

- 예가다

- 안

Bài 7: 식당 Nhà hàng

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày thành thạo: Từ vựng liên quan đến quán ăn, nhà hàng Hàn Quốc.

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ: 았/였; 하고; (으)십시오

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng liên quan đến quán ăn, nhà hàng.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 앓/엿

- 하고

- (으)십시오

Bài 8: 동대문시장 Chợ Dongtaemun

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày được danh từ chỉ đơn vị, từ vựng liên quan đến mua sắm.

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ: 은/는; 아/어요; 고싶다

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng liên quan danh từ chỉ đơn vị, từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 은/는

- 아/어요

- 고싶다

Bài 9: 한국음식 Món ăn Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này sinh viên có thể:

Trình bày được món ăn Hàn Quốc.

Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ: 겠; (으)세; 지않다

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng liên quan món ăn Hàn Quốc.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

- 겠

- (으)세

- 지않다

Bài 10: 내방 Phòng của tôi

1. Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này học sinh có thể:

Trình bày được các từ chỉ phương hướng, nhà cửa, đồ gia dụng, nơi chốn. Trình bày cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

(으)로

(으)래요 도

에서

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng chỉ phương hướng, nhà cửa, đồ gia dụng, nơi chốn.

2.2. Cấu trúc câu và ngữ pháp với các từ:

(으)로

(으)래요 도

에서

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Sinh viên hiểu về bộ chữ Hangeul, đọc trôi chảy và hiểu rõ nghĩa trong các bài khóa theo các chủ đề: Chào hỏi, nghề nghiệp, trường học, cuộc sống hàng ngày, ngày tháng, công việc hàng ngày, cuối tuần, mua sắm, ẩm thực và nhà cửa. Hiểu ngữ pháp tiếng Hàn như cấu trúc, ngữ nghĩa và cách sử dụng trong những tình huống cụ thể được lồng ghép trong các chủ đề của bài học.

- Kỹ năng: Đọc hiểu các chủ đề và biết cách lồng ghép các chủ đề của bài học

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút (cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)

- Số lần kiểm tra: 2-3 lần.

- Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.
- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Đọc tiếng Hàn 1–Viện giáo dục nghiên cứu ngôn ngữ - Trường Đại học Yonsei - NXB Trường Đại học Yonsei, 2003.

[2]. Giáo trình Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 1.Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, NguyễnThị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện. NXB Darakwon, 2008.

[3]. Tiếng Hàn sơ cấp 1,– Nhà xuất bản Đại học Kyung Hee, 2000.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập tốt nghiệp

Mã môn học: MH18

Thời gian thực hiện môn học: 450 giờ (Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 450 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực hiện sau khi hoàn thành các môn học của chương trình đào tạo
- Tính chất: Môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Thực tập tốt nghiệp là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo. Chương trình thực tập này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài.
- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp cũng như học hỏi trau dồi các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai cho sinh viên. Các kỹ năng nghề nghiệp chính bao gồm: Biên dịch, Phiên dịch, Các kỹ năng thực hành tiếng như: nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Hàn Quốc, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng quản lý (thời gian, tài chính, con người, trang thiết bị...), Kỹ năng hợp tác và làm việc tập thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành công việc được giao. Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập. Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

III. Nội dung

1. Nội dung tổng quát

Thực tập tốt nghiệp là cơ hội để sinh viên tiếp cận và tìm hiểu tình hình thực tế sử dụng tiếng Hàn Quốc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc thực tiễn, có thể góp phần giải quyết các vấn đề cụ thể tại cơ sở thực tập. Trong quá trình thực tập, sinh viên cần vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn Quốc (nghe, nói, đọc, viết) để giao tiếp, kỹ năng biên dịch, phiên dịch trong các tình huống và môi trường đòi hỏi sử dụng tiếng Hàn Quốc. Ngoài ra, sinh viên cần học hỏi và trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai, có cơ hội làm quen với thị trường việc làm và xã hội, trở nên tự tin hơn với nghề nghiệp sau khi ra trường.

Các công việc thực tập bao gồm:

- Thông dịch viên, biên dịch viên
- Biên tập viên tin tức tiếng nước ngoài

- Nhân viên lễ tân tại các khách sạn có sử dụng tiếng Hàn Quốc trong công việc thực tập
- Hướng dẫn viên du lịch có sử dụng tiếng Hàn Quốc công việc thực tập
- Nhân viên văn phòng, kinh doanh, marketing, giao dịch, thanh toán, ngoại thương, xuất nhập khẩu có sử dụng tiếng Hàn Quốc trong công việc.
- Trợ lý hoặc thư ký của lãnh đạo các phòng, bộ phận: kinh doanh, marketing, giao dịch, thanh toán, ngoại thương, xuất nhập khẩu có sử dụng tiếng Hàn Quốc trong công việc.

2. Phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Liên hệ địa điểm thực tập, hoàn chỉnh các giấy tờ cần thiết (Cá nhân hoặc trường liên hệ)	15		15	
2	Làm việc thực tế tại đơn vị thực tập (phải thực hiện các công việc mà đơn vị thực tập giao, ngoài ra phải viết Nhật ký thực tập và phải thu thập thông tin số liệu chuẩn bị cho việc viết báo cáo kết quả thực tập)	335		335	
3	Viết báo cáo và bảo vệ luận văn	100		100	
	Cộng	450		450	

IV. Điều kiện thực hiện

Các đơn vị có thể bố trí thực tập

- Hệ thống các khách sạn, nhà hàng: Sài Gòn Kim Liên, Mường Thanh Sông Lam, Media, Thượng Hải Vinh, Lam Giang,...
- Các công ty liên doanh Hàn Quốc: Emtech, Havina Kim Liên, BSE,... Công ty du lịch...
- Sở Ngoại vụ Nghệ An, Hội hữu nghị Việt Hàn, Sân bay Vinh, Báo Nghệ An, Truyền hình Nghệ An,...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Được đánh giá qua báo cáo thực tập tốt nghiệp
- Kỹ năng: Các kỹ năng nghề nghiệp chính bao gồm: Biên dịch, Phiên dịch, Các kỹ năng thực hành tiếng như: nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Hàn Quốc, Kỹ năng giao tiếp,

Kỹ năng quản lý (thời gian, tài chính, con người, trang thiết bị...), Kỹ năng hợp tác và làm việc tập thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hứng thú, tích cực học hỏi nâng cao trình độ sử dụng tiếng Hàn.

2. Phương pháp: Chấm Báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp; kết quả đánh giá của đơn vị thực tập và ý kiến của giáo viên hướng dẫn

VI. Hướng dẫn thực hiện:

1. Phạm vi áp dụng:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Cán bộ hướng dẫn thực tập tốt nghiệp thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan địa phương nơi sinh viên thực tập nắm bắt kịp thời thực trạng thực tập của sinh viên để có biện pháp xử lý kịp thời và báo với lãnh đạo khoa.

- Đối với người học: Để hoàn thành đợt thực tập cuối khóa yêu cầu sinh viên phải có ý thức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế thực tập, phải tuân thủ sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách, thực hiện tốt quy định của cơ sở thực tập, quan hệ tốt với cộng sự của mình.

- Đối với đơn vị thực tập: Giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên hoàn thành đợt thực tập. Đánh giá một cách khách quan về tình hình thực tập của sinh viên tại cơ quan.

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo: Tùy theo từng đề tài.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Hàn Quốc học (한국 1)

Mã môn học: MH19

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; thực hành 58; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đây là môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học xong các môn học chung, đại cương, có thể bố trí cùng lúc, hoặc trước khi học môn học Hàn Quốc học 2
- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và thông tin về văn hóa, đất nước, con người, ngôn ngữ, trang phục, tính cách.... của đất nước và con người Hàn Quốc.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Giúp sinh viên hiểu biết nhiều hơn về đất nước, con người Hàn Quốc.
- Về kỹ năng: Sinh viên có thể trình bày những thông tin, những vấn đề tổng quát về đất nước Hàn Quốc.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động. Có thái độ tôn trọng đối với các giá trị về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của người Hàn Quốc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về văn hóa và văn hóa Hàn Quốc. 베트남문화와 한국문화에 대한 개요	10	2	7	1
2	Bài 2: Điều kiện tự nhiên, Đất nước, Con người và Ngôn ngữ của Hàn Quốc 한국 자연 상태, 나라, 사람, 언어	10	2	8	0
3	Bài 3: Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc 한국 음식	9	2	7	0
4	Bài 4: Trang phục Hàn Quốc 한국 전통 복장	10	2	8	0
5	Bài 5: Những nét đặc trưng về nhà ở 한국의 주택 특징	10	1	9	0

6	Bài 6: Nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc 한국 전통 예술	9	2	7	0
7	Bài 7: Tính cách nổi bật của người Hàn Quốc 한국인의 대표적 성격	10	2	7	1
8	Bài 8: Văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp của người Hàn Quốc 한국 기업 문화	7	2	5	0
	Cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát về văn hóa và văn hóa Hàn Quốc.

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về văn hóa nói chung và văn hóa Hàn Quốc nói riêng từ đó giúp sinh viên có thể hiểu biết về văn hóa Hàn Quốc

2. Nội dung của bài

- Khái niệm, cấu trúc văn hóa
- Nét đặc trưng của văn hóa Hàn Quốc

Bài 2: Điều kiện tự nhiên, Đất nước, Con người và Ngôn ngữ của Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về điều kiện tự nhiên, đất nước, con người, ngôn ngữ Hàn Quốc từ đó giúp sinh viên có thể hiểu biết về điều kiện tự nhiên, đất nước, con người, ngôn ngữ Hàn Quốc

2. Nội dung của bài

- 2.1. Khái quát chung về Hàn Quốc (tên gọi, thủ đô, quốc kỳ, quốc hoa, dân số, thể chế...).
- 2.2. Điều kiện địa lý tự nhiên: Địa hình, biển, khí hậu... ảnh hưởng đến văn hóa.
- 2.3. Con người: nguồn gốc dân tộc, văn hóa đặc trưng.
- 2.4. Ngôn ngữ: Sự hình thành, những nét đặc trưng.

Bài 3: Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về văn hóa ẩm thực Hàn Quốc, những đặc trưng và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

2. Nội dung của bài

- 2.1. Khái quát chung về văn hóa ẩm thực và các yếu tố ảnh hưởng.
- 2.2. Những đặc trưng của văn hóa ẩm thực Hàn Quốc

Bài 4: Trang phục Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về trang phục của người Hàn Quốc qua các thời kỳ, văn hóa mặc, trang phục truyền thống và trang phục hiện đại

2. Nội dung của bài

2.1. Văn hóa mặc – Trang phục của người Hàn Quốc qua các thời kỳ.

2.2. Trang phục truyền thống.

2.3. Trang phục hiện đại.

Bài 5: Những nét đặc trưng về nhà ở

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, đặc trưng nhất về nhà ở cũng như văn hóa ở, nhà ở Hàn Quốc.

2. Nội dung của bài

- Khái quát chung về nhà Hàn Quốc.

- Văn hóa ở - nhà ở Hàn Quốc.

Bài 6: Nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, đặc trưng nhất của nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc thể hiện qua hội họa, âm nhạc, múa...

2. Nội dung của bài

Những nét đặc trưng của nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc thể hiện qua: Hội họa, âm nhạc và múa... qua từng thời kỳ lịch sử.

Bài 7: Tính cách nổi bật của người Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tính cách của người Hàn Quốc, nguồn gốc tính cách và những tính cách nổi bật của người Hàn Quốc

2. Nội dung của bài

2.1. Nguồn gốc tính cách của người Hàn Quốc.

2.2. Những tính cách nổi bật.

Bài 8: Văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp của người Hàn Quốc

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về văn hóa ứng xử, vai trò và những đặc trưng cơ bản nhất của văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp Hàn Quốc

2. Nội dung của bài

2.1. Khái niệm về văn hóa ứng xử và vai trò.

2.2. Đặc trưng của văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp Hàn Quốc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được các kiến thức và thông tin về văn hóa, đất nước, con người, ngôn ngữ, trang phục, tính cách... của đất nước và con người Hàn Quốc.
- Về kỹ năng: Sinh viên có thể trình bày những thông tin, những vấn đề tổng quát về đất nước Hàn Quốc.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu,... kết hợp thêm các hình ảnh, video cho dễ hiểu và thêm phần sinh động.
- Đối với Sinh viên: nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ, ý tưởng... làm bài tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1. Hàn Quốc – đất nước, con người. Cơ quan thông tin hải ngoại Hàn Quốc, NXB Thế giới, 2010.
2. Bài giảng Hàn Quốc học, Khoa Đông phương học, Trường ĐH KHXH&NV, Đại học 3 .Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc, Nguyễn Long Châu, NXB Giáo dục, 2000.
4. Tương đồng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc, , Trường ĐH KHXH&NV, Đại học quốc gia Hà Nội, NXB Văn hóa thông tin, 1996.
5. Cơ sở văn hóa Việt Nam, Trần Ngọc Thêm, NXB Giáo dục, 1999.
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Biên dịch tiếng Hàn (한국어 번역)

Mã môn học: MH 20

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã được học môn: Lý thuyết phiên biên dịch tiếng Hàn
- Tính chất: Môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo

II. Mục tiêu môn học:

Học phần Biên dịch tiếng Hàn 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng biên dịch đa dạng theo nhiều lĩnh vực: Dịch bài phát biểu; dịch báo chí; dịch một trích đoạn trong tác phẩm văn học; dịch tài liệu chuyên ngành về Luật, công nghệ thông tin, hợp đồng; dịch kịch bản phim.v.v...

- Về kiến thức: Có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực dịch hợp đồng, dịch một số điều luật, tin tức báo chí, tác phẩm văn học, kịch bản phim.v.v...
- Về kỹ năng: Luyện kỹ năng dịch viết một số hợp đồng kinh doanh đơn giản, dịch luật thương mại; phân biệt và sử dụng thành thạo các loại văn phong khác nhau (*văn phong hợp đồng, văn phong báo chí, văn phong phát biểu, văn phong dịch các tác phẩm văn học, dịch kịch bản phim.v.v...*)
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên nhận thức được vai trò của học phần, hứng thú và tích cực trong quá trình học tập, lĩnh hội kiến thức.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Chủ đề tổng hợp	5	1	4	
2	Bài 2: Hợp đồng lao động	5	1	4	
3	Bài 3: Quyết định thành lập công ty liên doanh	5	2	3	
4	Bài 4: Hợp đồng thực tập	9	1	8	
5	Bài 5: Thông báo, quảng cáo.	9	1	7	1
6	Bài 6: Diễn văn, báo cáo	10	2	8	

7	Bài 7: Tin tức thời sự	6	1	5	
8	Bài 8: Tin tức thời sự	6	1	4	1
9	Bài 9: Lời thoại phim truyền hình.	5	1	4	
10	Bài 10: Chương trình phát thanh.	5	1	4	
11	Bài 11: Thư tín; công văn; mẫu giấy tờ.	5	2	3	
12	Bài 12: Tóm tắt tác phẩm văn học.	5	1	4	
	Cộng	75	15	57	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chủ đề tổng hợp

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch trong các chủ đề trong cuộc sống

2. Nội dung của bài

2.1. Chủ đề về gia đình

2.2. Chủ đề về sự nghiệp

2.3. Chủ đề về sức khỏe

Bài 2: Hợp đồng lao động

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch các hợp đồng lao động

2. Nội dung của bài

2.1. Hợp đồng lao động

Bài 3: Quyết định thành lập công ty liên doanh

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch các quyết định thành lập công ty

2. Nội dung của bài

2.1. Quyết định thành lập công ty liên doanh

Bài 4: Hợp đồng thực tập

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch hợp đồng thực tập

2. Nội dung của bài

2.1. Hợp đồng thực tập

Bài 5: Thông báo, quảng cáo.

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch các thông báo, thông tin quảng cáo

2. Nội dung của bài

2.1. Thông báo

2.2. Thông tin quảng cáo

Bài 6: Diễn văn , báo cáo

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên diễn văn, báo cáo

2. Nội dung của bài

2.1. Diễn văn

2.2. Báo cáo

Bài 7: Tin tức thời sự

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên tin tức thời sự trong và ngoài nước

2. Nội dung của bài

2.1. Tin tức thời sự trong nước

Bài 8: Tin tức thời sự

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên tin tức thời sự trong

2. Nội dung của bài

2.1. Tin tức thời sự nước ngoài

Bài 9: Lời thoại phim truyền hình.

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch lời thoại phim truyền hình

2. Nội dung của bài

2.1. Lời thoại phim truyền hình

2.2. Lời thoại phim tài liệu

Bài 10: Chương trình phát thanh

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch các chương trình phát thanh

2. Nội dung của bài

2.1 Chương trình phát thanh hằng ngày

2.2 Chương trình phát thanh chuyên đề

Bài 11: Thư tín; công văn; mẫu giấy tờ.

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch các thư tín, công văn, các mẫu giấy tờ

2. Nội dung của bài

2.1. Thư tín

2.2 Công văn

2.3 Các loại giấy tờ

Bài 12: Tác phẩm văn học.

1. Mục tiêu của bài

Trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng biên dịch các tóm tắt các tác phẩm văn học và tất cả tác phẩm văn học

2. Nội dung của bài

2.1. Tóm tắt tác phẩm văn học

2.2. Tác phẩm văn học

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp trực tiếp hoặc trắc nghiệm đạt được các nội dung của 12 bài học

- Kỹ năng: Biên dịch trên nhiều phương diện như: dịch hợp đồng, dịch văn bản luật, dịch tin tức báo chí, dịch công văn giấy tờ, dịch trích đoạn tác phẩm văn học, dịch kịch bản phim truyền hình.v.v...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được vai trò của học phần, hứng thú và tích cực trong quá trình học tập, lĩnh hội kiến thức

2. Phương pháp: Kiểm tra hết học phần bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Hàn quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp

với giảng dạy theo phương pháp tích cực.

- Đối với người học: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Biên - Phiên dịch, Khoa Tiếng Hàn - Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 2011.

[2]. Giáo trình Biên – Phiên dịch, Khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc – Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội.

[3]. Đại từ điển Hàn - Việt, Lê Huy Khoa, NXB.Tổng hợp TP.HCM, 2009.